

2014

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP KIẾN TRÚC SƯ

ĐẠI CHỦNG VIỆN HÀ NỘI - CƠ SỞ II CỔ NHUẾ

Chủng viện (tiếng Latinh: seminarium, có nghĩa là vườn ươm) là nơi đào tạo các chủng sinh, tu sĩ Công giáo trở thành linh mục. Chủng viện thông thường đào tạo trên bốn lĩnh vực: nhân bản, tri thức, đạo đức và mục vụ. Chủng viện có hai hình thức: Đại chủng viện và Tiểu chủng viện. Đại chủng viện là nơi thật sự đào tạo các ứng viên linh mục về triết học và thần học với thời gian từ sáu đến tám nm.



NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

ĐẠI CHỨNG VIỆN HÀ NỘI – CƠ SỞ II CỔ NHUẾ

Địa chỉ : 16B- Xã Cổ Nhuế - Quận Từ Liêm – Hà Nội

GVHD : ThS – KTS. NGUYỄN TRÍ TUỆ

SVTH : PHẠM THẾ VĨNH

LỚP : XD1301K

MSV : 1351090003



MỤC LỤC

Contents

CHƯƠNG I : GIỚI THIỆU, PHÂN TÍCH ĐỀ TÀI, HƯỚNG NGHIÊN CỨU

ĐỒ ÁN.....	4
1.1. Sự cần thiết của đề tài	4
1.1.1 . Giới thiệu tóm tắt địa điểm công trình	4
1.1.3. Sự cần thiết đồ án.....	5
1.1.4 . Ý tưởng đề xuất	11
1.2 Mục tiêu của đồ án	12
1.3 Yêu cầu của đồ án	12
1.4 Các căn cứ để xây dựng đồ án	12
CHƯƠNG II: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐỒ ÁN	13
2.1 Quy mô, giới hạn phạm vi lập đồ án.....	13
2.1.1 Quy mô nghiên cứu	13
2.1.2 Phạm vi lập đồ án.....	13
2.2 Các khu chức năng trong Đại chủng viện	13
2.3 Nội dung đào tạo Đại chủng viện Cổ Nhuế	13

CHƯƠNG I : GIỚI THIỆU, PHÂN TÍCH ĐỀ TÀI, HƯỚNG NGHIÊN CỨU ĐỒ ÁN

1.1. Sự cần thiết của đề tài

1.1.1 . Giới thiệu tóm tắt địa điểm công trình

Đại chủng viện Cổ Nhuế thuộc xã Cổ Nhuế Quận Từ Liêm – Hà Nội.

Nằm ở khu vực phía tây bắc nội thành Hà Nội.

Đại chủng viện Cổ Nhuế tiếp giáp với :

Phía Bắc

Phía Nam

Phía Đông giáp với đường đất dọc đường Phạm Văn Đồng- công viên

Hòa Bình

Phía Tây

1.1.2 . Đánh giá sơ bộ về địa phương và khu vực.

- Vị trí địa lý

Đại chủng viện cổ nhuế thuộc xã Cổ Nhuế- Bắc Quận từ Liêm- Hà Nội

Từ Liêm là một huyện cũ của Hà Nội, trước khi Hà Tây được sáp nhập vào Hà Nội, huyện Từ Liêm nằm về phía Tây của thủ đô, nhưng hiện nay thì dường như nằm ở trung tâm của Hà Nội mở rộng. Cuối năm 2013, huyện Từ Liêm được chia tách để thành lập hai quận mới của Hà Nội là Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm

Gồm 26 xã: Cổ Nhuế, Dịch Vọng, Đông Ngạc, Hữu Hưng, Liên Mạc, Mai Dịch, Mễ Trì, Minh Khai, Mỹ Đình, Nghĩa Đô, Nhân Chính, Nhật Tân, Phú Diễn, Phú Thượng, Quảng An, Tây Tựu, Thượng Cát, Thụy Phương, Trung Hòa, Trung Văn, Tứ Liên, Xuân Đình, Xuân La, Xuân Phương, Yên Hòa, Yên Lãng.

Huyện Từ Liêm được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai quận 5 và 6 của Hà Nội cũ. Gồm 26 xã: Cổ Nhuế, Dịch Vọng, Đông Ngạc, Hữu Hưng, Liên Mạc, Mai Dịch, Mễ Trì, Minh Khai, Mỹ Đình, Nghĩa

Đô, Nhân Chính, Nhật Tân, Phú Diễn, Phú Thượng, Quảng An, Tây Tựu, Thượng Cát, Thụy Phương, Trung Hòa, Trung Văn, Tứ Liên, Xuân Đình, Xuân La, Xuân Phương, Yên Hòa, Yên Lãng.

Từ Liêm giáp hai huyện Hoài Đức và Đan Phượng về phía tây, giáp quận Cầu Giấy, Tây Hồ và thành Xuân về phía đông, quận Hà Đông về phía nam, và huyện Đông Anh về phía bắc.

- *Khí hậu*

Khí hậu huyện Từ Liêm thuộc khí hậu khu vực Hà Nội.

Thời tiết nóng, độ ẩm cao, phân chia bốn mùa không rõ rệt.

Mùa xuân từ tháng 2 đến tháng 4, thời tiết mát mẻ, với đặc trưng các đợt gió mùa Đông Bắc xen kẽ kèm theo mưa phùn.

Mùa hè từ tháng 5 đến tháng 7, thời tiết nóng nực kèm theo các đợt mưa rào theo gió mùa Đông Nam. Mùa thu từ tháng 8 đến tháng 10, thời tiết mát mẻ và mưa nhiều.

Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau, gió mùa đông bắc chủ đạo, thời tiết lạnh, khô hanh.

Nhiệt độ trung bình là 23,5°C

Mưa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 (nhiều nhất là từ tháng 7 đến tháng 9), lượng mưa trung bình hàng năm là 1670mm/năm.

Gió chủ đạo: mùa hè gió Đông Nam, Mùa đông gió Đông Bắc.

Độ ẩm: cao nhất vào khoảng tháng 1: khoảng 98%

Nắng: số giờ nắng trung bình là 1640 giờ/năm,

Bão: xuất hiện nhiều nhất vào tháng 7 và tháng 8, cấp gió từ cấp 8 tới cấp 10 có khi tới cấp 12.

1.1.3. Sự cần thiết đồ án.

- Lịch sử Đại chủng viện Hà Nội
 - *Giai đoạn hình thành*
 - Theo sử liệu, năm 1666, cha Francois Deydier (1637-1693) Tổng Đại Diện giáo phận Đàng Ngoài thiết lập Đại Chủng Viện đầu tiên tại Việt Nam. Cơ

sở của Đại Chủng Viện chỉ là chiếc thuyền trôi nổi trên dòng sông Nhị Hà (sông Hồng). Bất chấp những khó khăn của buổi ban đầu, Đại Chủng Viện đã cho ra đời những hoa trái đầu tiên là cha Bê-nê-dictô Hiền và cha Gioan Huệ.

- Năm 1679, khi giáo phận Đàng Ngoài được tách thành hai giáo phận: giáo phận Đông Đàng Ngoài và Tây Đàng Ngoài, giáo phận Tây Đàng Ngoài đã xây dựng Đại chủng viện tại Kẻ Non (*thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay*).

➤ *Giai đoạn củng cố và phát triển*

- Năm 1719, Đại Chủng Viện được chuyển về đặt cạnh Toà Giám Mục Kẻ Vĩnh (*thuộc tỉnh Nam Định ngày nay*). *Đại Chủng Viện nhận thánh Phêrô làm Đấng Bảo Trợ và có cha thánh Phaolô Lê Bảo Tịnh làm giám đốc*. Năm 1858, cùng với Toà Giám Mục, Đại Chủng Viện thánh Phêrô bị triệt phá bình địa.
- Năm 1830, Tiểu Chủng Viện thánh Phêrô được xây dựng ở Hoàng Nguyên (*thuộc tỉnh Hà Tây trước kia và nay thuộc thủ đô Hà Nội*) có nhiệm vụ đào tạo các ứng sinh cho Đại Chủng Viện.
- Năm 1862, Đức Cha Jeantet (Khiêm: 1858-1866) dời Toà Giám Mục về Kẻ Sở (*thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay*), *đồng thời cũng xây dựng Đại Chủng Viện tại đây*.
- Năm 1927, Đức Cha Gendreau (Đông: 1892-1935) khởi công xây dựng trảng tập tại Phố Nhà Chung bên cạnh Toà Giám Mục (đã được Đức Cha Puginier - Phước: 1868-1892, *chuyển từ Kẻ Sở về đây năm 1886*), với mục đích huấn luyện các ứng sinh cho tiểu chủng Viện Hoàng Nguyên. Năm 1928, trảng tập đón 113 tập sinh. Đến năm 1947, do chiến tranh loạn lạc, Trảng Tập phải đóng cửa.
- Năm 1932. Đại Chủng Viện Liễu Giai, do các cha Xuân Bích đảm trách được khởi công xây dựng. Năm 1934 cơ sở khánh thành và đón nhận 30 chủng sinh khoá I thuộc 5 giáo phận: Hà Nội, Hưng Hoá, Phát Diệm, Thanh Hoá và Vinh. Năm 1940, Chủng Viện đón 107 thày khoá II. Nhưng do biến

động chính trị, trường phải tạm đóng cửa hai năm, từ 1948-1949, và đến năm 1954 thì đóng cửa hẳn.

- Giai đoạn khủng hoảng (1954- 1973)
- Sau năm 1954, do biến động chính trị- xã hội các cơ sở đào tạo linh mục của Giáo Hội miền Bắc từng bước bị đóng cửa và giải tán.
- Năm 1955, cơ sở Tràng Tập được sử dụng làm Tiểu Chủng Viện Thánh Gioan. Tiểu Chủng Viện đón nhận 180 tập sinh, dưới sự hướng dẫn của cha Phaolô Phạm Đình Tụng. Đến năm 1960 trường cũng phải đóng cửa.
- Trải qua những thời kỳ khó khăn, Ban Giám Đốc Chủng Viện luôn trung thành với Giáo hội. Năm 1960 Ban Giám đốc Chủng Viện Gioan thà chấp nhận chịu đóng cửa, chứ quyết không chịu để giáo viên do nhà nước chỉ định vào dạy học thuyết Mác Lê chống tôn giáo ở Chủng Viện.
- Trên một thập niên (1960 -1973), trong toàn thể Giáo Hội Miền Bắc không có một chủng viện nào được chính thức hoạt động.
- Các chủng sinh phải trở về sống với gia đình, lao động sinh sống. Trong những năm này, ban giáo sư vẫn tiếp tục kín đáo giảng dạy những chủng sinh còn trung thành với ơn gọi linh mục. Đó là những chủng sinh có khả năng về trí thức, có điều kiện ở gần các cha giáo có thể đến thụ huấn, tuần hai buổi, từng nhóm nhỏ năm sáu người, đông nhất là mười người. Nhưng sau năm 1963 khi đức cha Phạm Năng Tĩnh giáo phận Bùi Chu truyền chức một lúc 29 linh mục mà không được sự đồng ý của nhà nước, thì tất cả chủng sinh toàn miền Bắc bị chính quyền kiểm soát chặt chẽ, hầu như tất cả các chủng sinh mà chính quyền coi là có thể tiến lên chức linh mục được đều bị rà xét, một số cựu chủng sinh bị đưa đi tập trung cải tạo từ 7 đến 10 năm, có người phải ở trại cải tạo đến 19 năm, số còn lại phải làm việc kiếm sống và âm thầm theo đuổi ơn gọi, khi có điều kiện thì một mình kín đáo đến với các cha giáo mà thụ huấn. Sách vở phải giấu kín. Hàng năm vào ngày lễ thánh bổn mạng chủng viện và ngày giáp tết tất cả các chủng sinh về tập trung ở chủng viện mừng lễ và chúc tết bề trên nhằm giữ vững mối liên lạc

với Ban Giám Đốc. Cứ ba bốn tháng một lần, họ lại đến cha xứ hoặc cha giáo và thỉnh thoảng đến Đức Cha cự giám đốc tĩnh tâm một buổi để hâm nóng lại ơn gọi. Các bề trên luôn tìm cách gìn giữ và khuyến khích đồng viên ơn gọi nơi chủng sinh. Trong thời kỳ tiếp theo khi phần lớn các cha giáo cũng bị giam tù hoặc quản chế, chủng sinh đành giữ gìn ơn gọi và sống trong hy vọng, đồng thời tìm cách tự học.

- Giai đoạn trưởng thành
- Năm 1973, Tràng Tập xưa được mở cửa trở lại với danh hiệu mới: Đại Chủng Viện Thánh Giuse (do Đức Cha Giuse Maria Trịnh Văn Căn làm Giám đốc).
- Năm 1954 con số linh mục của giáo phận Hà Nội có khoảng 55 ; đến năm 1973 chỉ còn khoảng 25 vì các linh mục già yếu qua đời, mà không một linh mục nào mới được truyền chức. Số linh mục thiếu hụt trầm trọng, nhưng ngay cả khi cho phép mở lại chủng viện, Nhà Nước cũng chỉ đồng ý cho nhập trường rất ít chủng sinh. Chẳng hạn chỉ 12 người trong số các chủng sinh tiểu chủng viện thánh Gioan được Nhà Nước cho phép trở lại trường ; bề trên Đại Chủng Viện cũng chỉ chọn 9 người.
- Khoá I của Đại Chủng Viện thánh Giuse Hà Nội khai giảng với 9 chủng sinh và 3 giáo sư. Mặc dù con số chủng sinh và con số giảng viên thật nhỏ nòi, nhưng một tương lai đầy hứa hẹn cũng đã mở ra. Ngày 26 tháng 6 năm 1977, 9 chủng sinh khoá I kết thúc khoá học và lãnh nhận tác vụ linh mục. Do hoàn cảnh xã hội, một lần nữa Đại Chủng Viện lại chìm vào trong chờ đợi và hy vọng.
- Năm 1978-1980, có khoá hàm thụ cho 4 thầy giảng về học và được thụ phong linh mục ngày 26 tháng 10 năm 1980.
- Với chính sách mở cửa, tương lai Đại Chủng Viện trở nên tươi sáng hơn đôi chút. Khoá II (1981-1987) được mở lại sau những ngày chờ đợi và hy vọng. Đại Chủng Viện vui mừng đón nhận 18 chủng sinh của 3 giáo phận: Hà Nội,

Hải Phòng và Thái Bình, dưới sự lãnh đạo của đức cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Sang.

- Năm 1987, có 3 thầy là cựu chủng sinh tiểu chủng viện thánh Gioan về học hàm thụ và thụ phong linh mục ngày 25 tháng 3 năm 1993.
- Với khoá III (1989-1995), gồm 56 chủng sinh thuộc 7 giáo phận miền Bắc, Đại Chủng Viện Thánh Giuse Hà Nội đã thực sự trở thành nơi đào tạo linh mục cho các giáo phận miền Bắc. Từ năm 1990, Đức Hồng Y Phaolô Phạm Đình Tụng thay thế Đức Cha Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Sang làm Giám đốc Đại Chủng Viện.
- Lúc này, tình hình đã trở nên sáng sủa hơn. Đại Chủng Viện Thánh Giuse Hà Nội đã được sinh hoạt đều đặn, chiêu sinh hai năm một khóa. Tuy vậy, số chủng sinh vẫn còn hạn chế, phần đông các ứng sinh phải chờ đợi bằng cách vừa phục vụ tại các giáo xứ vừa học tập theo nhóm, theo hạt. Tóm lại, tùy hoàn cảnh cho phép mà sinh hoạt của chủng sinh trở nên chuyên sâu hay rộng rãi hơn như tham gia dạy giáo lý trẻ em và thiếu niên, giáo lý hôn nhân, tập hát trong ca đoàn hay sinh hoạt với học sinh, sinh viên v.v.
- Khoá IV (1992- 1994) là khoá bổ túc thần học cho 35 học viên, trong số đó hầu hết là các cựu chủng sinh Tiểu Chủng Viện Thánh Gioan.
- Năm 1994-1995, có khoá bồi dưỡng cho 12 linh mục của giáo phận Bùi Chu (ra trường ngày 27-01-1995).
- Khoá V (1994- 2001), Đại Chủng Viện đón nhận 62 chủng sinh thuộc 8 giáo phận miền Bắc. Khoá V đánh dấu thời kỳ đào tạo mới của Đại Chủng Viện: từ đây, chủng viện sẽ hai năm tuyển sinh một lần; kéo dài thời gian đào tạo tới 7 năm, có năm thực tập sau năm thần II.
- Khoá VI (1996-2003) có 57 chủng sinh thuộc 8 giáo phận.
- Khoá VII (1998-2005) có 52 chủng sinh thuộc 7 giáo phận.
- Khoá VIII (2000-2007) có 62 chủng sinh thuộc 7 giáo phận.
- Vào thời điểm hiện nay, Đại Chủng Viện đang có 6 khoá theo học:
- Khoá IX (2002-2009), với 54 chủng sinh thuộc 7 giáo phận.

- Khoá X (2004-2011), với 73 chủng sinh thuộc 8 giáo phận.
- Đầu năm học 2005-2006, Đại Chủng Viện Thánh Giuse Hà Nội đã khánh thành cơ sở II, gọi là Nhà Đức Mẹ La Vang (16B-Cổ Nhuế- Từ Liêm- Hà Nội), đồng thời vui mừng đón nhận các chủng sinh khoá XI vào học.
- Khoá XI (2005 – 2013), với 37 chủng sinh thuộc 8 giáo phận và 5 thầy thuộc Tu Đoàn Truyền Tin. Khoá XI cũng là khóa đầu tiên áp dụng chính sách tuyển sinh hằng năm và chương trình đào tạo kéo dài 8 năm, trong đó năm đầu tiên được gọi là năm tu đức, nhằm giúp các chủng sinh làm quen với cách suy nghĩ và hành động không những của một ki tô hữu mà của một người được thánh hiến.
- Khoá XII (2006-2014), với 49 chủng sinh thuộc 8 giáo phận và 2 thầy thuộc Tu Đoàn Truyền Tin.
- Khoá XIII (2007-2015), 49 chủng sinh thuộc 8 giáo phận.
- Khoá XIV (2008-2016), 48 chủng sinh thuộc 8 giáo phận.
- Nhìn lại hơn nửa thế kỷ qua, từ ngày Tràng Tập hay tiểu chủng viện thánh Gioan được xây dựng cho tới nay, khi đã có được hai cơ sở cách nhau trên dưới 15 km cùng nằm trong địa bàn thành phố Hà Nội, một cho lớp tu đức và hai lớp triết học, một cho các lớp thần học, Đại Chủng Viện Thánh Giuse Hà Nội đã đón nhận và đào tạo trên 900 chủng sinh thuộc 8 giáo phận miền Bắc; trong số đó có 5 đáng đã và đang là chủ chăn của các giáo phận: Bắc Ninh, Hải Phòng, Phát Diệm, Lạng Sơn và Hà Nội; gần 400 linh mục; nhiều thầy giảng đang kiên trung trong ơn gọi tận hiến. Trong số các linh mục ra trường, một số linh mục sau những năm tu nghiệp tại hải ngoại đã trở lại phục vụ trong Đại Chủng Viện.
- **Số linh mục đã được đào tạo tại Đại Chủng Viện thánh Giuse Hà Nội**
 - - Khóa I: 9
 - - Năm 1978 – 1980: 4
 - - Khóa II: 17
 - - Khóa III: 44

- - Khóa IV: 35
- - Khóa V: 58
- - Khóa VI: 54
- - Khóa VII: 46
- - Khóa VIII: 56

- *Lý do và sự cần thiết*

Nhằm đưa ĐCV lên tầm cao mới, cùng với các ĐCV khác tại Việt Nam, có thể đáp ứng tốt hơn những nhu cầu ngày càng nhiều và càng phức tạp của Giáo Hội và xã hội, đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo tại chủng viện, củng cố nền móng cho việc đào tạo tri thức, trước hết phải bằng cách lập lại trật tự trong chương trình học tập cho có hệ thống hợp lý và đồng đều với chương trình học tập của các đại chủng viện khác tại Việt Nam bằng cách nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên có lực lực hơn, nội dung môn học cập nhật mới, phương pháp học tập tiến bộ hơn, sinh hoạt ngoại khóa như tăng cường Anh ngữ, sinh hoạt của các câu lạc bộ dịch thuật, thuyết trình về 1 số đề tài như tìm hiểu văn kiện và các văn kiện mới của Tòa Thánh, trình chiếu các bộ phim tôn giáo giá trị, cải tiến thư viện.

Do đó Đại chủng viện Cổ Nhuế ra đời (theo văn bản)

Nhằm giảm tải cho đại chủng viện Hà Nội. Đại chủng viện Cổ Nhuế đào tạo 3 năm đầu trong tổng số 9 năm tại chủng viện

- + 1 năm tu đức
- + 2 năm triết

1.1.4 . Ý tưởng đề xuất

Lấy ý tưởng từ hình ảnh chìa khóa vàng và chìa khóa bạc (Chìa khóa của Thánh Phêrô – chìa khóa cửa Thiên đàng)

Chìa khóa liên quan tới việc phân cách bên ngoài và bên trong. Phân cách giữa cõi thiêng và cõi tục. Chìa khóa mở cửa để dẫn từ cõi tục bước vào cõi thiêng đó là mang hình ảnh của người mục tử.



Hai chìa khóa, một chìa vàng và một chìa bạc, tượng trưng cho ngày và đêm, biểu hiện cho người canh giữ toàn vẹn. Một chìa hướng lên và một chìa hướng xuống, ứng với trời và đất, cũng ứng với hai mặt thể xác và linh hồn.

Đại chủng viện là nơi đào tạo những” người rao giảng Tin mừng cho thế giới hôm nay và xây dựng Giáo Hội, nhân danh Chúa Kitô và trong tư cách Chúa Kitô là Đầu, là Mục Tử với ba chức năng: rao giảng, thánh hóa và lãnh đạo. Hình ảnh người linh mục Chìa khóa Phêrô.



Pieter Paul Rubens, S. Pietro apostolo, XVII sec., Museo del Prado, Madrid

Do đó hình ảnh chìa khóa Thánh Phêrô làm ý tưởng bố cục chính ý tưởng trong đồ án.

1.2 Mục tiêu của đồ án

1.3 Yêu cầu của đồ án

1.4 Các căn cứ để xây dựng đồ án



CHƯƠNG II: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐỒ ÁN

2.1 Quy mô, giới hạn phạm vi lập đồ án

2.1.1 Quy mô nghiên cứu

Qua số liệu tuyển sinh qua các khóa gần đây :

Khoá X (2004-2011), với 73 chủng sinh

Khoá XI (2005 – 2013), với 37 chủng sinh

Khoá XII (2006-2014), với 49 chủng sinh

Khoá XIII (2007-2015), 49 chủng sinh

Khoá XIV (2008-2016), 48 chủng sinh

Trung bình mỗi năm Đại chủng viện đón 50 chủng sinh vào đào tạo.

2.1.2 Phạm vi lập đồ án

Ước tính mỗi năm ĐCV đào tạo khoảng 150 chủng sinh. Nhằm tránh quá tải cho những năm có số lượng chủng sinh tăng đột biến. Phạm vi đồ án sẽ lấy quy mô đào tạo là 200 chủng sinh/ năm.

2.2 Các khu chức năng trong Đại chủng viện

- Nhà nguyện (là trung tâm của đại chủng viện- 1 ngày 5 lần cầu nguyện và 1 thánh lễ)
- Lớp học
- Thư viện
- Hành chính
- Ký túc xá (100 % chủng sinh ở trong ký túc xá trừ ngày lễ)
- Nhà ăn
- Thể thao

2.3 Nội dung đào tạo Đại chủng viện Cổ Nhuế

Thời gian đào tạo tập trung tại chủng viện được tổ chức chặt chẽ một cách có hệ thống, đặc biệt là việc đào tạo trí thức chiếm nhiều thời gian nhất.

Đại chủng viện Cổ Nhuế đạo tạo 3 năm đầu trong tổng số 9 năm tại chủng viện

- Năm Tu Đức
- Chu kỳ I (2 năm Triết học)

➤ Năm Tu Đức

Định hướng chính là thời gian đặc biệt để được huấn luyện và thực tập “ ở với Chúa Giêsu.

Nhằm giúp chúng sinh “ lấy đức tin đặt nền móng và thấm nhuần cả cuộc đời, lại làm cho vững tâm theo đuổi ơn thiên triệu bằng một tâm hồn hân hoan tự nguyện hiến dâng đời mình.

Mục đích chính yếu là chuẩn bị cho chúng sinh có một căn bản vững mạnh về đời sống thiêng liêng làm nền cho những năm kế tiếp tại chủng viện và đời sống mục tử sau này.

○ *Đào tạo khả năng thích hợp*

Sự trưởng thành (về tình cảm, sử dụng tự do, lương tâm luân lý) chính là nền tảng để đạt đến hai đức tính nhân bản của người mục tử là trách nhiệm và hiệp thông. Trong năm Tu Đức này, sự trưởng thành của các chủng sinh được đào tạo đặc biệt quanh những đức tính sau :

- Khôn ngoan: có suy tư, thận trọng, phán đoán quân bình cũng như biết bàn hỏi, tế nhị, lịch thiệp, trong giao tiếp (giúp chúng sinh biết đối nhân xử thế, biết khôn ngoan chọn cách ứng xử.
- Công bằng: tôn trọng sự thật, quyền lợi của người khác (không nói dối, song phẳng trong tiền của, có trách nhiệm, có ý thức bổn phận, trọng chữ tín).
- Can đảm : kiên trì, cố gắng, vượt khó, biết đặt kế hoạch và quyết tâm thực hiện điều thiện dù khó khăn .
- Tiết độ : quân bình trong cách sống, tự chủ trước đam mê, có kỷ luật và trật tự trong ngày sống (có thời khóa biểu cho các công việc : học hành, vui chơi, giải trí, ngủ nghỉ), yêu thích đời sống nội tâm, thanh lặng.



○ Đào tạo tri thức

Những môn học trong năm Tu Đức tập trung vào phần thực hành, sau những tổng hợp về lý thuyết là phần phương pháp với những áp dụng thực hành:

Năm Tu Đức (1 năm)	Tín chỉ	Số giờ
Lịch sử cứu độ	2	30
Phụng vụ nhập môn (nhấn mạnh đến sống Bí tích Thánh Thể và Hòa Giải)	3	45
Thần học Linh đạo căn bản	2	30
Đào tạo linh mục (theo Raito của các chủng viện Việt Nam)	2	30
Giáo lý: Phần IV về cầu nguyện	4	60
Phương pháp nguyện gẫm- “ Lectio Divina” chia sẻ Lời Chúa	2	30
Giáo dục Nhân bản	2	30
Phương pháp học (cách đọc sách, tóm bài và viết những bài suy niệm ngắn)	2	30
Thánh nhạc	1	15
La ngữ	4	60
Sinh ngữ: Anh văn, Pháp văn	8	60
Tổng cộng	32	420

➤ Chu kỳ I (2 năm triết học)

Trong Chu kỳ Triết học với năm 1 và năm 2, người chủng sinh được hun đúc “ lòng yêu mến Chúa Giêsu “, được đào tạo để ngày một trưởng thành trên bước đường ơn gọi, bước theo, nên giống Chúa Giêsu là Đầu và là Mực Tử. Con đường duy nhất để tiến tới sự trưởng thành về mặt ơn gọi là nỗ lực làm gia tăng” lòng yêu mến Chúa Giêsu “ qua ước muốn “ biết Chúa Giêsu, gắn bó với Chúa Giêsu, nên giống Chúa Giêsu”.

Con đường phát triển này cũng là tiến trình hun đúc “ lòng yêu mến Thiên Chúa, yêu mến Chúa Giêsu” được thực hiện trong hai năm với hai điểm nhấn chủ đạo sau :

Năm Triết 1: với chủ điểm “ ơn gọi theo Chúa Giêsu “ người chúng sinh tìm hiểu, can nghiệm tình yêu của Chúa Giêsu một cách đặc biệt qua lời mời gọi của Người để quảng đại “ từ bỏ mọi sự, vác thập giá và đi theo người”

Năm Triết 2: với chủ điểm “nên thánh. nên giống Chúa Giê su là Đầu và là Mục Tử”. người chúng sinh càng đi sâu vào tình yêu của Chúa Giê su qua cố gắng muốn gắn bó với Người hơn, muốn nên giống người hơn, bằng cách sống triệt để Mầu nhiệm Vượt qua mỗi ngày.

Việc đào tạo tri thức trong Chu kỳ I Triết học bao gồm:

- Triết học và những môn khoa học về con người
- Những môn dẫn nhập vào việc nghiên cứu về Kinh Thánh. Mầu nhiệm Kitô giáo và Lịch sử Cứu độ.
- Những môn dẫn nhập vào việc nghiên cứu cách sống Kitô giáo bao gồm những điều căn bản về Linh đạo, Phụng vụ và Lịch sử Giáo Hội
- Vài môn dẫn nhập vào công tác mục tử như Huấn giáo và Thánh nhạc

Những môn học trong Chu kỳ I

Những môn triết học được giảng dạy ở đại chủng viện gồm có :

Các môn Triết học (2 năm)	Tín chỉ	Số giờ
Triết học nhập môn	3	45
Hữu Thể học	4	60
Thần Lý học	2	30
Nhân luận Triết học	3	45
Triết học về thiên nhiên	2	30
Tâm lý học	2	30
Triết học Đạo đức	2	30



Luận Lý học	2	30
Nhận thức luận	2	30
Triết sử Cổ đại- Trung đại	6	90
Triết sử Cận đại- Hiện đại	6	90
Triết Đông (Ấn Độ - Trung Hoa- Văn hóa Tín ngưỡng Việt Nam)	8	120
Triết học tôn giáo	2	30
Giải thích học	2	30
Xã hội học	2	30
Phương pháp nghiên cứu. biên soạn	2	30
Tổng cộng	50	750

Ngoài ra trong Chu kỳ I này, cần có những môn học dẫn nhập vào các chân lý siêu nhiên, khai tâm đời sống Kitô giáo và hướng về việc loan báo những chân lý này:

Những môn học dân nhập vào các chân lý siêu nhiên và đời sống kitô giáo	Tín chỉ	Số giờ
Hiệu Thánh Kinh		90
Dẫn nhập Kinh thánh (tổng quát- Cựu ước- Tân ước)	6	90
Sống chân lý siêu nhiên		60
Linh đạo mục giáo phận	2	30
Trường thành Kitô giáo	2	30
Loan báo chân lý siêu nhiên (mục vụ)		90
Thánh nhạc	2	30
Sư phạm Giáo lý	4	60
Tổng cộng	16	240



Chương trình cũng cần một số hỗ trợ khám phá chân lý tự nhiên như:

Ngoại ngữ	Tín chỉ	Số giờ
Anh/ Pháp	4	60
Latin	8	120
Hy Lạp	2	30
Tổng cộng	14	210

